

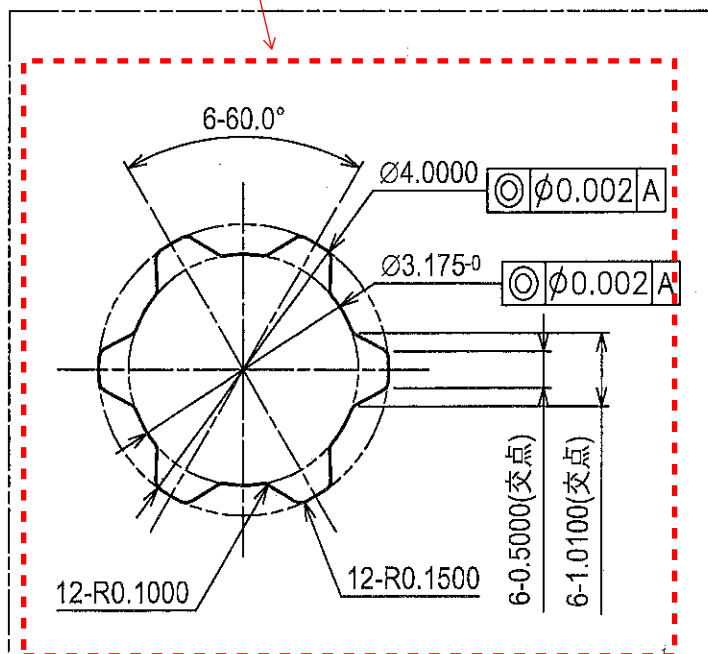
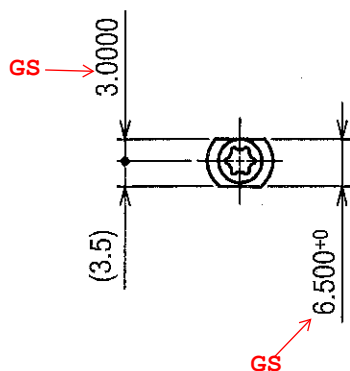
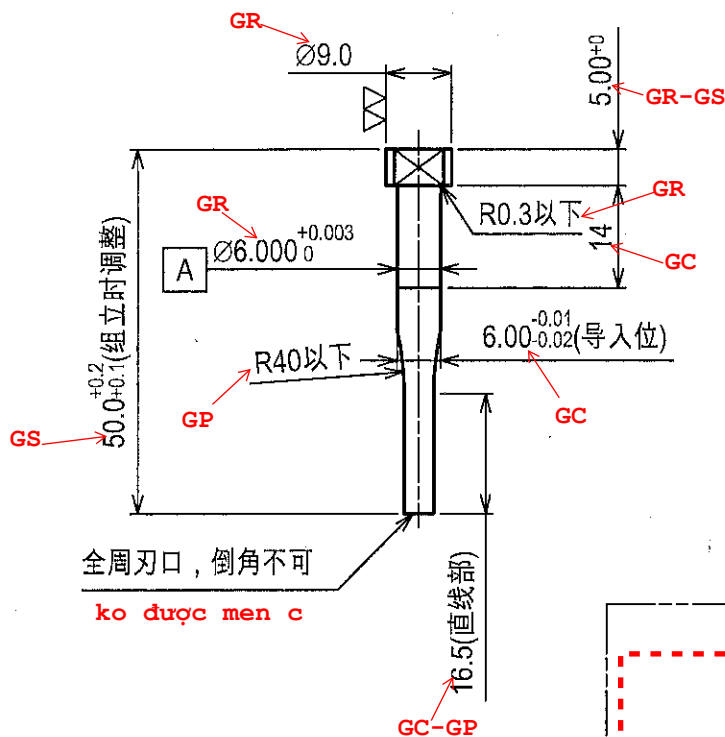
gap 2115

FC140

L415.301.004.2

AP

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No	DWG.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2016/06/16	新規設計		Chen_Jian_Fei	Ye_Chang_Jing	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.00	± 0.1	0.00 +0	+0 -0.1
						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.2
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
						FINISH MARKS			
						G ▽▽▽ (▽▽)			



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Chen_Jian_Fei	Ye_Chang_Jing	部品図		414 301 0212	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		INSIDE BLANKING PUNCH	
HRC 0° ~ 0°		部品図		内徑穿孔冲頭	
		部品図		内孔穿孔冲头	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
WC(D25/HIP)	2016/06/16	1:1		R052443	

SNO: **R052443**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD25 Ø9*60	GR:120 GS:90 GC:75 GP:350 KT